

Họ và tên:.....

Lớp:.....

BÀI ÔN TẬP TOÁN

Câu 1:

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

60;.....;, 64;

65;; 67;.....;.....; 70

b) Viết các số:

Bốn mươi ba:.....

Ba mươi hai:.....

Chín mươi bảy:.....

Hai mươi tám:.....

c) Đọc số:

57:.....

22:.....

Câu 2: Đặt tính rồi tính:

$$45 + 34$$

$$18 + 71$$

$$56 - 20$$

$$86 - 5$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Đồng hồ chỉ mấy giờ?



.....



.....

Câu 4: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất:

a) Một tuần lễ em đi học mấy ngày?

A. 7 ngày

B. 6 ngày

C. 5 ngày

b) 65 gồm:

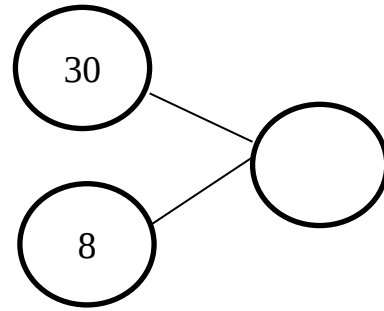
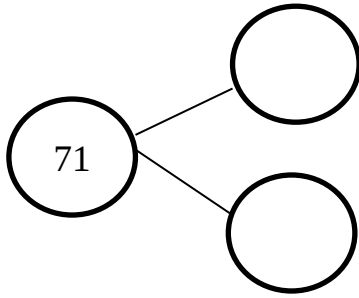
A. 60 chục và 5 đơn vị

C. 5 chục và 6 đơn vị

B. 6 chục và 5 đơn vị

D. 6 và 5

Câu 5: Điền số thích hợp vào sơ đồ tách – gộp:



Câu 6: Tính:

$$10 + 5 = \dots\dots\dots$$

$$37 - 7 = \dots\dots\dots$$

$$50 + 10 = \dots\dots\dots$$

$$70 - 40 + 20 = \dots\dots\dots$$

Câu 7: Điền dấu >; <; =

$$39 \dots\dots 42$$

$$90 \dots\dots 80$$

$$30 + 50 \dots\dots 80$$

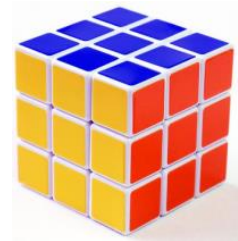
$$25 + 3 \dots\dots 25 - 3$$

Câu 8: Viết các số 37, 58, 29 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn

b) Từ lớn đến bé

Câu 9: Ghi tên các đồ vật vào dạng hình thích hợp dưới đây:



Hình vuông: Hình tròn:

Khối trụ: Khối lập phương:

Câu 10: Lớp em có 21 học sinh nữ, 17 học sinh nam. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu học sinh?

Viết phép tính:

Trả lời:

Câu 11: Một túi kẹo có 35 viên kẹo, cô thưởng cho các bạn học sinh hết 12 viên kẹo. Hỏi túi kẹo còn lại bao nhiêu viên kẹo?

Viết phép tính:

Trả lời: